

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 01-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUÂN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

BàNguyễn Thị Phin.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Dung-Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27a/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

NTH, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu chung cư D, thôn E, xã F, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông G và con bà H; có chồng là NLC3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25-12-2021 đến ngày 31-12-2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLC1 - Vắng mặt.

+ Doanh nghiệp tư nhân NLC2 - Vắng mặt.

+ Anh NLC3 - Vắng mặt.

+ **Chị NLC4 - Vắng mặt.**

- + Chị NLC5 -Vắng mặt.
- + Chị NLC6 -Vắng mặt.
- + Chị NLC7 -Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, NTH (viết tắt là NTH) là Giám đốc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn I (viết tắt là Công ty I); mã số thuế: 0201293692, đăng ký trụ sở tại: Số 165 A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng được chồng là NLC3, sinh năm 1976; trú tại: Khu chung cư D, thôn E, xã F, huyện C, thành phố Hải Phòng ủy quyền cho điều hành Công ty Trách nhiệm hữu hạn J (viết tắt là Công ty J), mã số thuế: 0201297392, đăng ký trụ sở tại: Số K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng do NLC3 là Giám đốc. Thông qua mối quan hệ xã hội, NTH biết NLC4 (viết tắt là NLC4), sinh năm 1971, nơi cư trú: Số N đường O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng có các công ty hoạt động mua bán trái phép hóa đơn. Trong số các công ty đó có Công ty TNHH R (viết tắt là Công ty R), mã số doanh nghiệp: 0201718256; đăng ký trụ sở tại: Số 338 lô 22 O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S), mã số doanh nghiệp: 0201718464; đăng ký trụ sở tại: Phòng 4 gác 2 số T, phường U, quận Q, thành phố Hải Phòng; Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty V), mã số doanh nghiệp: 0201715488; đăng ký trụ sở tại: Số 18 W, phường U, quận Q, thành phố Hải Phòng. Do đó, NTH đã trao đổi với NLC4 việc mua bán trái phép hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho Công ty I và Công ty J đồng thời bán hóa đơn cho khách hàng có nhu cầu để hưởng lợi.

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, NTH đã mua của NLC4 80 số hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là hóa đơn GTGT) ghi khống hàng hóa dịch vụ với tổng số tiền trị giá 108.164.966.259 (một trăm linh tám tỷ một trăm sáu mươi tư triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi chín) đồng chưa thuế GTGT, cụ thể như sau:

Đối với 42 số hóa đơn GTGT NTH mua của NLC4 ghi khống số tiền 43.236.701.400 đồng chưa thuế GTGT với giá 0,3% giá trị hàng hóa dịch vụ ghi khống trên hóa đơn. Trong đó 04 hóa đơn GTGT của Công ty R xuất cho Công ty J ghi khống số tiền 1.834.000.000 đồng chưa thuế GTGT; 33 hoá đơn GTGT của Công ty S xuất cho Công ty I ghi khống số tiền là 37.469.939.500 đồng chưa thuế GTGT và 05 hóa đơn GTGT của Công ty R xuất cho Công ty I ghi khống số tiền là 3.932.761.900 đồng chưa thuế GTGT. Sau đó, trên cơ sở đầu vào là hàng hóa, dịch vụ ghi khống trên 42 hóa đơn GTGT mua của NLC4, NTH đã bán các hóa đơn

GTGT của 02 Công ty I, J với giá 0,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa thuế GTGT, thu lợi số tiền 86.473.403 đồng. NTH ghi không lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra bằng với lượng hàng hóa, dịch vụ đầu vào của 42 tờ hóa đơn GTGT đã mua nên không phát sinh thuế GTGT phải nộp.

Để hợp thức hóa 42 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ nói trên, ngoài việc NLC4 và NTH thỏa thuận lập không các chứng từ, tài liệu liên quan như hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản giao hàng hóa.... NTH đã thực hiện chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng của Công ty I, J đến tài khoản Ngân hàng của Công ty R, S như việc thanh toán mua bán hàng hóa có thật để lấy Ủy nhiệm chi hợp thức hóa hồ sơ mua bán. Sau khi chuyển khoản xong, NLC4 đã chỉ đạo kế toán của mình là NLC5 và nhân viên của mình là NLC6 rút số tiền vừa nhận được từ tài khoản Công ty R, S để trả lại cho NTH.

Đối với 38 hóa đơn GTGT NTH mua của NLC4 từ các Công ty do NLC4 lập ra để bán trái phép hóa đơn là do trên thực tế Công ty của NTH có thu mua thép phế liệu, bao Jumbo đã qua sử dụng, gạch chịu lửa phế, kệ Palet... để bán lại cho các Công ty khác nhưng không có hóa đơn chứng từ. Vì vậy, NTH đã mua của NLC4 38 hóa đơn GTGT để làm chứng từ bán số hàng hóa của mình, trong đó:

- 14 hóa đơn GTGT NTH mua của NLC4 xuất từ Công ty R, đều ghi là xuất hóa đơn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLC1 (viết tắt là Công ty NLC1), mã số thuế: 4601522093; đăng ký trụ sở tại: Số X, tổ 32 Y, thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên. Mặt hàng trên hóa đơn là gạch chịu lửa phế; bao Jumbo, kệ Palet, với tổng số tiền ghi không là 3.156.280.000 đồng chưa thuế GTGT.

- 24 hóa đơn NTH mua của NLC4 xuất từ Công ty V, đều ghi là xuất hóa đơn cho Doanh nghiệp tư nhân NLC2 (viết tắt là Doanh nghiệp NLC2), mã số thuế: 460481937, đăng ký trụ sở tại: Số 136 đường AA, tổ AB, thành phố Z, tỉnh Thái Nguyên. Mặt hàng trên hóa đơn là thép phế liệu, với tổng số tiền ghi không là 61.771.984.859 đồng chưa thuế GTGT.

NTH thỏa thuận với NLC4 sẽ chuyển các thông tin cần viết trên hóa đơn như: Tên Công ty mua, hàng hóa cần ghi không, đơn giá, số lượng, tiền hàng cho NLC4 để NLC4 chỉ đạo nhân viên lập hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hóa, viết nội dung hóa đơn; ký, đóng dấu giấy giới thiệu, giấy rút tiền, séc để trống phần nội dung và gửi tất cả cho NTH qua xe ôm hoặc NTH trực tiếp đến địa chỉ số 16 Minh Khai, quận M nhận tài liệu. Để hợp thức hóa các hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, ngoài các tài liệu đi kèm như hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hóa, NTH và NLC4 thỏa thuận thực hiện các giao dịch chuyển khoản Ngân hàng từ tài khoản Công ty mua đến tài khoản Công ty bán như việc thanh toán mua bán hàng hóa có thật.

NTH thỏa thuận với Giám đốc 02 đơn vị mua hàng là Công ty NLC1, Doanh nghiệp NLC2 về các tài liệu đi kèm hàng hóa bao gồm Hợp đồng mua bán, Biên bản bàn giao hàng hóa... do NTH chuẩn bị và giao cùng hàng hóa tại địa điểm nhận hàng của các đơn vị mua. NTH yêu cầu Công ty NLC1, Doanh nghiệp NLC2 thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng của Công ty NLC1, Doanh nghiệp NLC2 đến tài khoản Ngân hàng của 02 Công ty V, R, sau đó NTH sử dụng giấy giới thiệu, giấy rút tiền, séc do NLC4 cung cấp đã được NLC4 ký giả chữ ký Giám đốc, đóng dấu Công ty để trống phần nội dung đến Ngân hàng rút số tiền Công ty NLC1 và Doanh nghiệp NLC2 đã chuyển khoản. Một số lần, khi bán hàng cho Doanh nghiệp NLC2, NTH đã yêu cầu thanh toán tiền mua hàng trực tiếp khi giao nhận hàng bằng tiền mặt sau đó để có chứng từ thanh toán, Doanh nghiệp NLC2 thực hiện Ủy nhiệm chi chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng của Doanh nghiệp NLC2 đến tài khoản Ngân hàng của Công ty V và NTH có trách nhiệm rút tiền ra gửi trả lại cho Doanh nghiệp NLC2 theo đường bưu điện hoặc xe khách.

Quá trình mua bán hóa đơn với NLC4, NTH đã chỉ đạo kế toán mà NTH thuê là NLC7 (sinh năm 1991, nơi cư trú: thôn Đông Lương Quy, xã Lê Lợi, huyện C, thành phố Hải Phòng) chuyển tiền từ tài khoản của 02 Công ty J, Công ty I vào tài khoản 03 Công ty V, R, S, sau đó nhận tiền đã chuyển khoản từ bên NLC4, có ký xác nhận đã nhận đủ số tiền trên. Một số lần khác, NTH chỉ đạo NLC7 dùng giấy giới thiệu, séc để rút tiền từ tài khoản Ngân hàng của Công ty R đưa lại cho NTH, tuy nhiên NTH không cho NLC7 biết bản chất của các giao dịch. Một vài lần khác, NTH bận nên nhờ chồng là NLC3 thực hiện việc giao nhận tiền với phía bên NLC4 nhưng cũng không cho NLC3 biết bản chất của việc giao nhận tiền này.

Tại Kết luận giám định số 109/KLGĐ ngày 09-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết tại mục in sẵn trừ mục: Chữ ký, chữ viết mang tên NTH tại mục “Người nhận tiền” và chữ viết của NTH là chữ ký, chữ viết cùng một người. Chữ ký, chữ viết mang tên NLC7 tại mục “Người nhận tiền” và chữ viết của NLC7 là chữ ký, chữ viết cùng một người. Chữ ký, chữ viết mang tên NLC3 tại mục “Người nhận tiền” và chữ viết của NLC3 là chữ ký, chữ viết cùng một người....

Ngày 11-12-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng ra Quyết định khởi tố bị can số 02, 03 đối với NLC4 và NLC5; ngày 06-4-2020, ra Quyết định khởi tố bị can số 06 đối với NLC6 về tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 29-4-2021, NLC4, NLC5 và NLC6 bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử về tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Đối với NTH, sau khi

thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã ra Quyết định truy nã.

Ngày 25-12-2021, NTH ra đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng về hành vi phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Tại Cơ quan điều tra, NTH đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định chữ ký, chữ viết; Biên bản nhận dạng; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về tài liệu thu giữ: Thu giữ tại chỗ ở của NTH gồm: 09 giấy rút tiền mặt của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “chủ tài khoản”, đã được ký, viết tại mục “Kế toán trưởng” chưa viết nội dung; 18 giấy giới thiệu của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục "Giám đốc Công ty"; 09 giấy giới thiệu/giấy ủy nhiệm chi của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền”; tất cả đều chưa viết nội dung (vật chứng này đồng thời cũng là vật chứng trong vụ án NLC4 cùng đồng phạm phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước đã được Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đưa ra xét xử năm 2021).

Về khắc phục hậu quả: Tại giai đoạn điều tra, NTH tự nguyện giao nộp số tiền 86.500.000 (tám mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, NTH đã tự nguyện nộp số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Bản Cáo trạng số 30/CT-VKSHB ngày 18 tháng 5 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố NTH về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, NTH khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTH số tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

- Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng, án phí: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo NTH đã tự nguyện nộp tổng số tiền 236.500.000 đồng tiền khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền NTH thu lợi bất chính là 86.473.403 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 86.473.403 đồng. Trả lại cho NTH số tiền 150.026.597 đồng do bị cáo nộp khắc phục hậu quả, tuy nhiên tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Đối với các tài liệu thu giữ tại chỗ ở của NTH gồm: 09 giấy rút tiền mặt của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “chủ tài khoản”, đã được ký, viết tại mục “Kế toán trưởng” chưa viết nội dung; 18 giấy giới thiệu của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “Giám đốc Công ty”; 09 giấy giới thiệu/giấy ủy nhiệm chi của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền”, tất cả đều chưa viết nội dung (vật chứng này đồng thời cũng là vật chứng trong vụ án NLC4 cùng đồng phạm phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước đã được Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đưa ra xét xử năm 2021, được cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án và được đánh số bút lục nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với hành vi của NLC4, NLC5, NLC6 đã bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đưa ra xét xử tại Bản án số 26/2021/HS-ST, ngày 29-4-2021.

Đối với NLC7 có hành vi thực hiện các giao dịch theo chỉ đạo của NTH nhưng chưa đủ căn cứ chứng minh NLC7 đồng phạm với bị cáo NTH trong việc mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với NLC3 là Giám đốc Công ty J, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập làm việc và yêu cầu cung cấp tài liệu có liên quan, tuy nhiên NLC3 hiện đang điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với các cá nhân, đơn vị sử dụng hóa đơn của 02 Công ty I, J do NTH bán trái phép, quá trình điều tra chưa thu thập được chứng cứ, tài liệu xác định rõ các cá nhân, đơn vị có liên quan. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Công ty NLC1 và Doanh nghiệp NLC2 là hai đơn vị có giao dịch mua bán hàng hóa, có kê khai và sử dụng hóa đơn của Công ty R, Công ty V, tài liệu điều tra không phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về hình sự, do đó Cơ quan điều tra không xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

-Về tố tụng:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Tại phiên tòa, những người làm chứng gồm: Người đại diện hợp pháp của Công ty NLC1, Doanh nghiệp NLC2, anh NLC3, chị NLC4, chị NLC5, chị NLC6, chị NLC7 vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người làm chứng do trước đó những người làm chứng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] *Về tội danh:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, NTH đã có hành vi mua bán trái phép 80 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ trị giá 108.164.966.259 đồng chưa thuế GTGT với giá 0,3% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa thuế GTGT; trong đó sử dụng 42 số hóa đơn GTGT ghi không số tiền 43.236.701.400 đồng chưa thuế GTGT của Công ty R, S để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho Công ty I, J để ghi không giá trị hàng hóa, bán trái phép hóa đơn GTGT của 02 Công ty trên, bán lại cho khách hàng có nhu cầu với giá 0,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ

vụ ghi không chưa thuế GTGT, thu lời bất chính số tiền 86.473.403 đồng; sử dụng 14 số hóa đơn GTGT ghi không số tiền 3.156.280.000 đồng chưa thuế GTGT của Công ty R để bán kèm hàng không có hóa đơn chứng từ cho Công ty NLC1; sử dụng 24 hóa đơn GTGT ghi không số tiền 61.771.984.859 đồng chưa thuế GTGT của Công ty V để bán kèm hàng không có hóa đơn chứng từ cho doanh nghiệp NLC2. Do vậy, hành vi của bị cáo NTH đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn. Vì vậy, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, để giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

- Về tính tiết định khung hình phạt:

[5] Bị cáo NTH trong một thời gian ngắn đã có hành vi mua bán trái phép 80 tờ hóa đơn GTGT đã ghi không hàng hóa để thu lời bất chính số tiền 86.473.403 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo NTH phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và ra đầu thú, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội; đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và nộp tiền để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo thờ cúng liệt sĩ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về vai trò và hình phạt:* Vụ án này có đồng phạm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn. Đối với NLC4, NLC5, NLC6 đã phân hóa vai trò và xem xét quyết định hình phạt tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đã tuyên phạt: NLC4 phạt tiền 270.000.000 đồng, NLC5 phạt tiền 230.000.000 đồng, NLC6 phạt tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo NTH đã trao đổi với NLC4 để mua bán trái phép 80 tờ hóa đơn GTGT từ Công ty R, Công ty S, Công ty V để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho Công ty I, J và để bán kèm hàng không có hóa đơn chứng từ cho Công ty NLC1, Doanh nghiệp NLC2 như đã phân tích tại mục [3] để thu lời bất chính 86.473.403 đồng. Hành vi của bị cáo NTH đồng phạm với hành vi của NLC4,

NLC5 và NLC6 trong việc mua bán trái phép 80 số hóa đơn GTGT. Căn cứ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo NTH bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo mà không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Xét vai trò, tính chất mức độ, hành vi của NLC4 ngoài việc bán trái phép 80 số hóa đơn GTGT cho NTH, NLC4 còn thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT cho nhiều tổ chức, cá nhân khác và thu lời bất chính cao nhất; NLC5 đồng phạm giúp sức cho NLC4 trong việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT và thu lời cao thứ hai như đã đánh giá tại Bản án số 26/2021/HS-ST, ngày 29-4-2021 nên NLC4 và NLC5 có vai trò cao hơn NTH. NTH là người quản lý, điều hành Công ty I và J đã trực tiếp mua bán trái phép 80 số hóa đơn GTGT và thu lời bất chính số tiền 86.473.403 đồng nên NTH có vai trò thấp hơn NLC5. NLC6 được NLC4 thuê làm nhân viên giao dịch Ngân hàng đã giúp sức một phần trong việc mua bán trái phép hóa đơn cho NLC4 và thu lời số tiền thấp nhất nên NLC6 có vai trò thấp hơn NTH.

[9] *Về các vấn đề khác:*

[9.1] Đối với NLC7 có hành vi thực hiện các giao dịch theo chỉ đạo của NTH nhưng chưa đủ căn cứ chứng minh NLC7 đồng phạm với bị cáo NTH trong việc mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[9.2] Đối với NLC3 là Giám đốc Công ty J, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập làm việc và yêu cầu cung cấp tài liệu có liên quan, tuy nhiên NLC3 hiện đang điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[9.3] Đối với các cá nhân, đơn vị sử dụng hóa đơn của 02 Công ty I, J do NTH bán trái phép, quá trình điều tra chưa thu thập được chứng cứ, tài liệu xác định rõ các cá nhân, đơn vị có liên quan nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[9.4] Đối với Công ty NLC1 và Doanh nghiệp NLC2 là hai đơn vị có giao dịch mua bán hàng hóa, có kê khai và sử dụng hóa đơn của Công ty R, Công ty V, tài liệu điều tra không phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về hình sự, do đó Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] *Về thu lợi bất chính:* Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo NTH đã tự nguyện nộp tổng số tiền 236.500.000 đồng tiền khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền NTH thu lợi bất

chính là 86.473.403 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 86.473.403 đồng. Trả lại cho NTH số tiền 150.026.597 đồng do bị cáo nộp khắc phục hậu quả, tuy nhiên tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[11] *Về tài liệu thu giữ*: Đối với các tài liệu thu giữ tại chỗ ở của NTH gồm: 09 giấy rút tiền mặt của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “chủ tài khoản”, đã được ký, viết tại mục “Kế toán trưởng” chưa viết nội dung; 18 giấy giới thiệu của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “Giám đốc Công ty”; 09 giấy giới thiệu/giấy ủy nhiệm chi của Công ty V đã được ký, đóng dấu tròn, dấu chức danh Giám đốc tại mục “Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền”, tất cả đều chưa viết nội dung (vật chứng này đồng thời cũng là vật chứng trong vụ án NLC4 cùng đồng phạm phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước đã được Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng đưa ra xét xử năm 2021, được cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án và được đánh số bút lục nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[12] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 58, điểm b Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NTH số tiền 220.000.000 (*hai trăm hai mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với NTH.

- *Về thu lợi bất chính*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Buộc bị cáo NTH phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 86.473.403 đồng (*tám mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm linh ba*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho NTH số tiền 150.026.597 đồng do bị cáo nộp khắc phục hậu quả, tuy nhiên tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

(Bị cáo NTH đã nộp đủ số tiền trên theo Ủy nhiệm chi số 30 ngày 31 tháng 5 năm 2022 từ tài khoản Công an quận Hồng Bàng đến tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng và Biên lai thu tiền ký hiệu: AA/2021 số 0005185, ngày 27-5-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo NTH phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chung